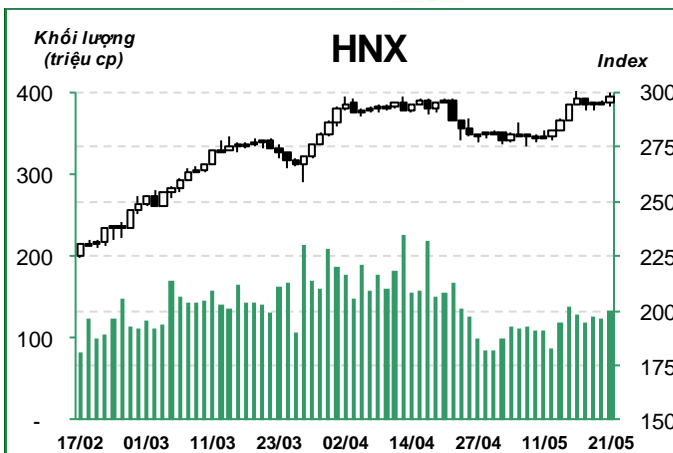
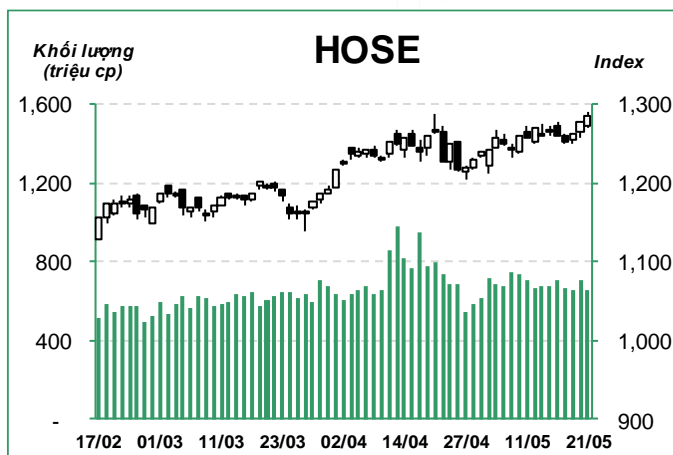


Tổng quan thị trường

21/05/2021	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	1,283.93	0.45%	1,425.04	0.01%	297.99	0.98%
Cuối tuần trước	1,266.36	1.39%	1,380.02	3.26%	294.72	1.11%
Trung bình 20 ngày	1,254.63	2.34%	1,352.04	5.40%	286.35	4.07%
Tổng KLGD (triệu cp)	698.93	-6.21%	286.67	-0.82%	142.47	10.47%
KLGD khớp lệnh	654.13	-7.37%	267.79	-0.89%	133.07	6.47%
Trung bình 20 ngày	671.03	-2.52%	254.10	5.39%	112.57	18.21%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	23,667.46	4.13%	14,927.94	9.74%	3,233.46	23.16%
GTGD khớp lệnh	21,148.88	0.44%	13,348.59	4.88%	3,120.30	22.11%
Trung bình 20 ngày	19,262.68	9.79%	11,605.87	15.02%	2,291.92	36.14%
	Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng	
Số mã tăng	257	56%	18	60%	130	35%
Số mã giảm	162	35%	11	37%	88	24%
Số mã đứng giá	43	9%	1	3%	150	41%



Sau nhịp điều chỉnh mạnh đầu phiên vì áp lực chốt lời, thị trường lấy lại sắc xanh trong khoảng thời gian giao dịch sau đó khi nhiều cổ phiếu vẫn hút tiền tốt. Mặc dù vẫn có những cổ phiếu bị bán mạnh, việc dòng tiền bắt đầu lan tỏa nhiều hơn đến các cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ trong phiên hôm nay cho thấy xu hướng tăng của thị trường nhiều khả năng sẽ còn tiếp diễn.

Trên sàn HoSE, chỉ số VN-Index đóng cửa chốt tuần tại mức 1,283.93 điểm (+0.45%). KLGD khớp lệnh đạt 654.1 triệu cổ phiếu (-7.4%), tương đương 21,149 tỷ đồng giá trị (+0.4%). Độ rộng thị trường đảo chiều tích cực khi số mã tăng đã chiếm ưu thế trở lại với 257 mã tăng/162 mã giảm.

Sự phân hóa diễn ra khá rõ nét ở nhiều nhóm cổ phiếu khiến đà tăng của chỉ số bị thu hẹp đáng kể. Trong đó, BIDV-BID (+6.9%) chính là cổ phiếu nổi bật nhất khi tăng trần cùng khối lượng khớp lệnh đột biến. Bên cạnh đà dẫn dắt của các nhóm ngành chủ chốt như ngân hàng, BĐS, phiên giao dịch hôm nay cũng chứng kiến hàng loạt các cổ phiếu lớn có tín hiệu dòng tiền tham gia bắt đáy khá tích cực như Vinamilk-VNM (+1.4%), Vietnam Airline-HVN (+3.3%), Đô thị Kinh Bắc-KBC (+6.8%), Vietjet Air-VJC (+1.5%) hay PV Power-POW (+2.2%). Ở chiều ngược lại, Vietcombank-VCB (-2.2%), Novaland-NVL (-2.6%), Hòa Phát-HPG (-1.5%) và Vietinbank-CTG (-1.3%) là những cổ phiếu gây áp lực chính cho chỉ số.

Khối ngoại bán ròng 293.5 tỷ đồng (-47.4%) trên sàn HoSE trong phiên hôm nay. Với lực bán tập trung ở các cổ phiếu như Hòa Phát-HPG (-204.0 tỷ), Vingroup-VIC (-104.7 tỷ) và Sacombank-STB (-56.0 tỷ). Trong khi đó, dẫn đầu ở chiều mua ròng là Vinhomes-VHM (+77.4 tỷ), Nhà Khang Điền-KDH (+42.4 tỷ) và Masan-MSN (+33.5 tỷ).

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
HOSE		
MWG	3,475.5	557.13
FPT	3,684.7	376.06
HPG	4,300.0	269.30
HPX	6,250.0	218.75
HDG	4,353.0	165.41
VNM	1,346.2	119.98
TCB	2,141.4	107.65
KBC	2,000.0	57.40
VRE	1,485.0	44.36
LPB	2,000.0	43.80
HNX		
TAR	2,878.0	53.82
SD2	4,173.3	23.79
DNP	750.0	15.00
SMT	1,248.7	13.11
VC3	155.9	3.16
TIG	126.0	1.88
SHB	35.0	0.91
IDC	20.0	0.75
THS	15.6	0.72

Trên sàn HNX, chỉ số HNX-Index chính thức lập đỉnh lịch sử mới tại mức 297.99 điểm (+0.98%). Thanh khoản gia tăng với KLGĐ khớp lệnh đạt 133.1 triệu cổ phiếu (+6.5%), tương đương 3,120.3 tỷ đồng giá trị (+22.1%).

Sắc xanh chiếm ưu thế trên sàn HNX với nhiều cổ phiếu trụ cột đồng loạt tăng điểm. Trong đó, Vicostone-VCS (+5.6%), Thaiholdings-THD (+0.9%), Ngân hàng Bắc Á-BAB (+2.8%) và Idico-IDC (+4.7%) là những cổ phiếu đóng góp nhiều nhất cho đà tăng của chỉ số. Ở chiều ngược lại, sau khi tăng nóng trong phiên hôm qua, nhóm cổ phiếu chứng khoán có dấu hiệu hạ nhiệt với áp lực chốt lời gia tăng ở một số cổ phiếu như Chứng khoán MB-MBS (-2.9%), Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (-0.9%), Chứng khoán VNDIRECT-VND (-0.4%) hay Chứng khoán Artex-ART (-2.0%).

Khối ngoại có phiên mua ròng thứ 2 liên tiếp trên sàn HNX, đạt giá trị 78.2 tỷ đồng (+56.2%). Trong đó, Thaiholdings-THD (+92.9 tỷ) tiếp tục được gom mạnh cùng với một số cổ phiếu khác như Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (+24.5 tỷ), Vicostone-VCS (+3.3 tỷ). Trái lại, nhóm cổ phiếu chứng khoán bị khối ngoại rút vốn mạnh nhất với các cổ phiếu như Chứng khoán Artex-ART (-25.7 tỷ), Chứng khoán VNDIRECT-VND (-14.9 tỷ) hay Chứng khoán Bảo Việt-BVS (-1.8 tỷ).

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm thứ ba liên tiếp. Khối lượng giao dịch xuống dưới mức bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý dòng tiền có phần thận. Mặc dù vậy, chỉ số đang giữ xu hướng tăng điểm, khi chỉ số duy trì đóng cửa trên MA5 và 20, cùng với đường +DI nở rộng khoảng cách lên phía trên so với -DI cho tín hiệu củng cố đà tăng hiện tại. Thêm vào đó, đường MACD và RSI đang hướng lên tích cực, cho thấy chỉ số có thể sớm vượt qua vùng đỉnh 1,280 - 1,285 điểm (đỉnh cũ) và hướng lên thử thách vùng tâm lý 1,300 điểm. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số có phiên tăng điểm trở lại và duy trì đóng cửa trên MA20, cùng với khối lượng giao dịch gia tăng, cho thấy đà tăng đang mạnh dần lên. Chỉ số có thể sớm hướng lên thử thách vùng tâm lý 300 điểm. Nhìn chung, thị trường đang nằm trong xu hướng tăng. Do đó, chúng tôi duy trì khuyến nghị, nhà đầu tư nên tận dụng các nhịp rung lắc để gia tăng thêm một phần nhỏ tỷ trọng vào các cổ phiếu có cơ bản tốt và đang được dòng tiền mạnh hướng tới.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
CMV	15.3	0.1	7.0%
SZC	34.5	1,048.5	7.0%
KMR	6.1	1,083.7	7.0%
PTC	9.8	0.5	7.0%
DCL	36.1	850.9	7.0%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
DXV	5.1	8.9	-7.0%
GIL	58.3	2,023.6	-6.9%
NVT	8.6	49.0	-6.4%
SCD	20.6	1.6	-6.4%
SGT	16.0	41.7	-5.9%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VPB	67.8	2,840.0	1.5%
HPG	65.6	1,782.1	-1.5%
STB	28.9	1,340.4	-1.9%
TCB	50.8	1,067.2	1.2%
CTG	48.3	779.4	-1.3%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
STB	28.9	45,954.8	-1.9%
VPB	67.8	42,798.8	1.5%
HPG	65.6	27,251.9	-1.5%
FLC	12.7	22,337.8	5.0%
TCB	50.8	20,991.7	1.2%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
IVS	11.0	518.4	10.0%
VMS	12.1	5.1	10.0%
V21	5.6	1.2	9.8%
LDP	12.4	55.9	9.7%
VLA	12.4	1.6	9.7%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
CAN	43.2	0.7	-10.0%
VC6	8.1	0.1	-10.0%
AMC	18.5	0.1	-9.8%
SGD	10.3	1.1	-9.6%
VTL	13.5	0.2	-9.4%

Top 5 giá trị

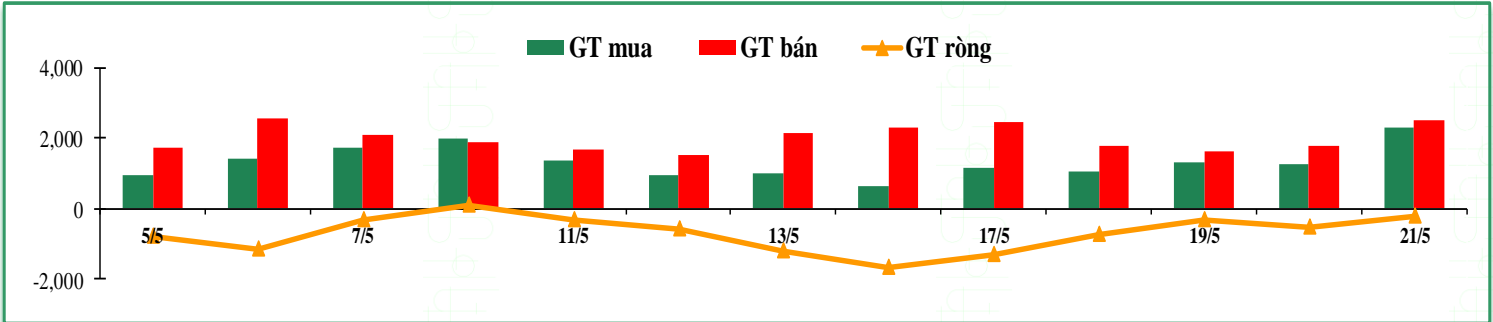
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	29.1	811.0	0.3%
THD	195.3	491.5	0.9%
SHS	32.9	414.1	-0.9%
VND	44.3	220.4	-0.4%
PVS	21.1	199.1	1.4%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SHB	29.1	27,624.0	0.3%
SHS	32.9	12,435.1	-0.9%
PVS	21.1	9,514.3	1.4%
QBS	3.5	6,761.3	0.0%
KLF	5.3	6,303.1	3.9%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	2,171.6	9.2%	2,465.1	10.4%	-293.5
HNX	135.0	4.2%	56.8	1.8%	78.2
Tổng số	2,306.6		2,521.8		-215.3



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
MWG	145.4	507.1	-3.1%
FPT	93.8	347.9	-1.8%
VNM	89.2	205.9	1.4%
VHM	103.9	94.1	1.9%
MSN	111.9	89.7	-1.5%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
MWG	145.4	507.1	-3.1%
FPT	93.8	348.2	-1.8%
HPG	65.6	279.3	-1.5%
VNM	89.2	216.0	1.4%
VIC	122.5	117.3	-0.3%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VHM	103.9	77.4	1.9%
KDH	37.4	42.4	2.5%
MSN	111.9	33.5	-1.5%
MBB	34.7	27.9	0.4%
OCB	26.3	27.5	1.4%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
THD	195.3	92.9	0.9%
SHS	32.9	24.6	-0.9%
VCS	94.8	3.7	5.6%
IVS	11.0	3.2	10.0%
PAN	24.8	2.0	1.6%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ART	10.0	26.1	-2.0%
VND	44.3	15.9	-0.4%
SMT	9.5	11.9	-8.7%
PAN	24.8	3.3	1.6%
PLC	24.7	3.1	1.2%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
THD	195.3	92.9	0.9%
SHS	32.9	24.5	-0.9%
VCS	94.8	3.3	5.6%
IVS	11.0	1.6	10.0%
PVI	33.1	1.0	1.5%

Tin trong nước

SSI Research: 4 cổ phiếu có thể được thêm vào VNM ETF

Trung tâm Phân tích Chứng khoán SSI (SSI Research) vừa có dự báo thay đổi danh mục ETF ngoại kỳ quý II. Trong đó các quỹ mô phỏng nhóm chỉ số FTSE Vietnam Index và MVIS Vietnam Index sẽ cần hoàn thành cơ cấu danh mục vào ngày 18/6, mô phỏng theo chỉ số MSCI được điều chỉnh lịch cơ cấu sớm hơn, vào ngày 27/5.

Với **MVIS Vietnam Index**, nhóm phân tích cho rằng PDR, VCI, APH, HSG có thể được thêm vào trong kỳ này và không có cổ phiếu nào bị loại. Do vốn hóa và thanh khoản cải thiện, số lượng cổ phiếu đạt đủ các tiêu chí sàng lọc nhiều nhưng theo quy tắc lựa chọn thì 4 cổ phiếu trên có khả năng cao nhất được đưa vào danh mục.

Với **MSCI Frontier Markets Index**, rõ chỉ số này đã công bố kết quả danh mục với việc thêm mới SHB và THD, đồng nghĩa với việc 2 cổ phiếu này được phân loại vào nhóm vốn hóa lớn và trung bình trong rõ cổ phiếu cận biên (Frontier Markets) nên khả năng cao sẽ được lựa chọn vào danh mục ETF.

Theo đó đơn vị phân tích cho rằng Quỹ iShares MSCI Frontier and Select EM ETF có thể thêm THD với tỷ trọng khoảng 0,3%, tương đương 160.000 cổ phiếu, trong khi SHB đã có sẵn trong danh mục quỹ. Việt Nam vẫn là quốc gia có tỷ trọng lớn thứ 2 (15,04%) trong danh mục, chỉ sau Kuwait.

KBSV: Dòng tiền trở lại hệ thống cuối tháng 6 sẽ hạ lãi suất thị trường 2

Chứng khoán KB (KBSV) vừa có báo cáo nhận định, thanh khoản trong hệ thống ngân hàng vẫn ở trạng thái ổn định giúp diễn biến hoạt động thị trường mở trầm lắng trong tháng 4. Tuy nhiên, tín dụng trong 4 tháng đầu năm tăng mạnh hơn nhiều so với huy động vốn, đặc biệt là trong tháng 4 tạo áp lực lên thanh khoản hệ thống.

Ngoài ra, nghiệp vụ bơm tiền đồng thông qua hoạt động mua ngoại tệ giao ngay của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) bị hạn chế phần nào khiến thanh khoản bớt dồi dào hơn so với cuối năm 2020.

Thanh khoản tăng trở lại sẽ giúp lãi suất liên ngân hàng hạ nhiệt trở lại trong giai đoạn cuối quý II.

Nghiệp vụ bơm tiền đồng qua hoạt động mua ngoại tệ giao ngay của NHNN bị hạn chế phần nào khiến thanh khoản hệ thống bớt dồi dào hơn so với cuối năm 2020.

Nguồn: NDH

Tin doanh nghiệp niêm yết

FPT lãi ròng 4 tháng tăng gần 20%

FPT (HoSE: FPT) cho biết doanh thu và lợi nhuận trước thuế 4 tháng đầu năm đạt 10.431 tỷ đồng và 1.920 tỷ đồng, tăng lần lượt 18% và 22% so với cùng kỳ. Như vậy, công ty hoàn thành 31% kế hoạch lợi nhuận cả năm.

Biên lợi nhuận cải thiện từ 17,8% lên 18,4%. Lợi nhuận sau thuế cho cổ đông công ty mẹ đạt 1.245 tỷ đồng, tăng 19,7%.

Với mảng dịch vụ công nghệ thông tin trong nước trong 4 tháng đầu năm, FPT ghi nhận 1.724 tỷ đồng doanh thu ký mới, tăng 55% so với cùng kỳ. Tại thị trường nước ngoài, doanh thu ký mới công nghệ ghi nhận 6.422 tỷ đồng, tăng gần 50%. FPT cho biết, tăng trưởng chuyển đổi số có phần chậm lại do một số công nghệ phục vụ sản xuất như Product Engineering bị ảnh hưởng bởi tốc độ tăng trưởng chậm của thị trường Nhật Bản.

Doanh thu và lợi nhuận trước thuế của khối công nghệ tăng lần lượt 18,9% và 35,1% so với cùng kỳ nhờ vào việc cải thiện hoạt động của dịch vụ công nghệ thông tin trong nước, đặc biệt với các dịch vụ phần mềm.

Với lợi nhuận tăng tốt từ dịch vụ Internet, PayTV và quảng cáo trực tuyến, lợi nhuận trước thuế khối viễn thông ghi nhận tăng 28,4% so với cùng kỳ.

Giáo dục, đầu tư và hoạt động khác có sự suy giảm về lợi nhuận trước thuế (-11,5%) do một số mảng kinh doanh mới triển khai cuối năm 2020 vẫn đang trong thời gian đầu tư, hiện chưa tạo ra lợi nhuận.

Công ty dự kiến trả cổ tức tiền mặt 10% và cổ tức bằng cổ phiếu 15% với ngày đăng ký cuối cùng là ngày 2/06.

TPBank thu hơn 1.110 tỷ đồng từ bán cổ phiếu quỹ

TPBank (HoSE: TPB) thông báo bán xong toàn bộ hơn 40 triệu cổ phiếu quỹ (tương đương 3,73% vốn điều lệ) từ 28/4 đến 18/5 với giá bình quân 28.406 đồng/cp theo phương thức giao dịch thỏa thuận. Ước tính, TPBank thu về được hơn 1.113 tỷ đồng.

Quý đầu năm, ngân hàng lãi trước thuế 1.422 tỷ đồng, tăng 41% so với cùng kỳ năm trước và tương đương 26% kế hoạch.

Tính tới 31/3, tổng tài sản ở mức 216.153 tỷ đồng, tăng gần 5% so với cuối năm trước. Dự nợ cho vay khách hàng tăng 3,7% với 124.387 tỷ đồng. Nợ xấu tăng 4,4% lên 1.483 tỷ đồng, khiến tỷ lệ nợ xấu nâng từ 1,18% lên 1,19%. Quy mô tiền gửi khách hàng đạt 120.037 tỷ đồng, tăng 3,6%.

HDBank muốn huy động 11.500 tỷ đồng trái phiếu

HĐQT HDBank (HoSE: HDB) thông qua phương án phát hành trái phiếu năm 2021 với tổng giá trị theo mệnh giá là 11.500 tỷ đồng chia thành 2 đợt. Lần một, ngân hàng dự kiến chào bán tối đa 1.500 tỷ đồng trái phiếu và lần hai sẽ phát hành 10.000 tỷ đồng theo mệnh giá.

Trước đó, ngân hàng thông báo sẽ mua lại 4.000 tỷ đồng trái phiếu đã phát hành. Thời gian thực hiện dự kiến từ ngày 25/5 đến 10/6.

Năm 2021, HDBank lên kế hoạch tổng tài sản tăng 25%, lên 399.320 tỷ đồng. Tổng huy động vốn và dự nợ tín dụng tăng 25% và 26%. Tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới 2%. Lợi nhuận trước thuế mục tiêu đạt 7.281 tỷ đồng, tăng 25%.

Quý I, ngân hàng lãi trước thuế hợp nhất hơn 2.100 tỷ đồng, tăng 68% so với cùng kỳ năm trước, tương đương 29% kế hoạch năm. Tại 31/3, tổng tài sản ở mức 325.821 tỷ đồng, tăng 2% so với cuối năm 2020. Dự nợ tín dụng đạt 197.970 tỷ đồng, cao hơn 5,2%. Quy mô huy động vốn và phát hành giấy tờ có giá đạt 219.266 tỷ đồng, tăng 5%.

Nguồn: NDH

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	HDG	Mua	24/05/21	41.95	41.95	0.0%	47.6	13.5%	40.3	-3.9%	Cổ phiếu đã được tích lũy

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	DPG	Quan sát mua	24/05/21	36.25	42-43	Nền break kênh giảm kèm vol cao -> có thể canh mua khi giá điều chỉnh trong phiên
2	VRE	Quan sát mua	24/05/21	30.35	32 36	Nghi ngờ khả năng phá vỡ giả khi có phiên tăng tốt trở lại phủ nhận nền giảm vol cao trước đó -> cần tiếp tục tăng đóng cửa trên 30.5 để xác nhận khả năng này
3	QNS	Quan sát mua	24/05/21	39.4	42-43	Nền tăng tốt kèm vol tăng trở lại sau nhịp test đáy tốt -> khả năng tạo đáy thành công và hồi phục trở lại
4	SMC	Quan sát mua	24/05/21	38.6	42 44	Nhịp điều chỉnh về hỗ trợ 35-36.5 tích cực với vol giảm dần -> khả năng sớm quay lại xu hướng tăng

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	FPT	Nắm giữ	20/04/21	93.8	81.5	15.1%	108.5	33.1%	78.8	-3%	
2	VSC	Mua	28/04/21	52.4	49.9	5.0%	55	10.2%	47	-6%	
3	MWG	Mua	04/05/21	145.4	140.9	3.2%	172	22%	134.6	-4%	
4	STB	Nắm giữ	05/05/21	28.85	24.1	19.7%	30	24%	22.9	-5%	
5	CKG	Nắm giữ	07/05/21	17.7	15.5	14.2%	19.3	25%	14.9	-4%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

6	SSI	Mua	13/05/21	39	34.8	12.1%	42	21%	33.5	-4%	
7	PVS	Mua	19/05/21	21.1	21.8	-3.2%	24.5	12%	20.5	-6%	
8	VHM	Mua	20/05/21	103.9	100.4	3.5%	110	10%	96.5	-4%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thông kê giao dịch chứng quyền ngày 21/05/2021									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CFPT2016	2,580	9,000	3.2%	249%	60,970	32	93,800	8,779	(221)	SSI	FPT	50,000	5.0	22/06/2021
CFPT2101	1,500	6,900	-12.3%	360%	21,530	45	93,800	3,249	(3,651)	MBS	FPT	74,500	6.0	05/07/2021
CHDB2101	1,000	5,380	-7.2%	438%	19,640	124	31,900	567	(4,813)	KIS	HDB	29,888	5.0	22/09/2021
CHPG2020	5,700	44,400	-0.5%	679%	3,320	40	65,600	39,661	(4,739)	VND	HPG	26,000	1.0	30/06/2021
CHPG2101	1,050	9,400	-10.5%	795%	16,010	124	65,600	4,764	(4,636)	KIS	HPG	46,888	4.0	22/09/2021
CHPG2102	6,600	28,220	-5.1%	328%	4,900	45	65,600	24,708	(3,512)	ACBS	HPG	41,000	1.0	05/07/2021
CHPG2103	3,900	13,900	-5.6%	256%	27,500	46	65,600	11,857	(2,043)	VND	HPG	42,000	2.0	06/07/2021
CHPG2104	1,500	9,000	-10.5%	500%	17,200	45	65,600	6,973	(2,027)	MBS	HPG	44,800	3.0	05/07/2021
CHPG2105	3,000	15,100	-4.9%	403%	22,760	80	65,600	11,899	(3,201)	HCM	HPG	42,000	2.0	09/08/2021
CHPG2106	4,100	13,000	-7.8%	217%	15,800	98	65,600	7,845	(5,155)	MBS	HPG	50,200	2.0	27/08/2021
CHPG2107	1,300	7,040	-11.3%	442%	58,190	83	65,600	1,343	(5,697)	KIS	HPG	59,368	5.0	12/08/2021
CHPG2108	1,200	8,050	-5.1%	571%	59,590	83	65,600	1,327	(6,723)	KIS	HPG	59,456	5.0	12/08/2021
CKDH2002	1,600	4,280	1.9%	168%	12,910	87	37,400	2,552	(1,728)	KIS	KDH	27,333	4.0	16/08/2021
CKDH2101	1,000	4,200	0.0%	320%	9,050	124	37,400	906	(3,294)	KIS	KDH	33,333	5.0	22/09/2021
CKDH2102	2,800	6,700	-7.6%	139%	6,300	84	37,400	3,228	(3,472)	MBS	KDH	31,100	2.0	13/08/2021
CMBB2010	4,600	18,660	0.6%	306%	27,130	24	34,650	18,673	13	SSI	MBB	16,000	1.0	14/06/2021
CMBB2101	1,600	8,110	-11.8%	407%	54,620	46	34,650	4,360	(3,750)	VND	MBB	26,000	2.0	06/07/2021
CMBB2102	1,200	3,720	6.9%	210%	23,990	83	34,650	121	(3,599)	KIS	MBB	34,468	10.0	12/08/2021
CMSN2101	1,050	4,870	-7.4%	364%	26,100	124	111,900	690	(4,180)	KIS	MSN	99,999	20.0	22/09/2021
CMSN2102	1,000	4,750	-7.6%	375%	21,600	124	111,900	317	(4,433)	KIS	MSN	111,111	20.0	22/09/2021
CMSN2103	3,000	9,500	-9.1%	217%	11,340	84	111,900	4,056	(5,444)	MBS	MSN	88,000	6.0	13/08/2021
CMWG2013	12,000	31,620	5.9%	164%	3,790	40	145,400	24,813	(6,807)	VND	MWG	96,000	2.0	30/06/2021
CMWG2016	1,700	3,850	1.6%	126%	95,560	20	145,400	3,753	(97)	HCM	MWG	108,000	10.0	10/06/2021
CMWG2101	2,400	4,680	-6.4%	95%	10,190	46	145,400	2,872	(1,808)	VND	MWG	117,000	10.0	06/07/2021
CMWG2102	3,000	8,950	-4.8%	198%	12,330	73	145,400	5,183	(3,767)	VCI	MWG	120,000	5.0	02/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CMWG2103	1,900	4,210	-11.9%	122%	10,990	45	145,400	1,724	(2,486)	MBS	MWG	128,500	10.0	05/07/2021
CMWG2104	2,400	10,900	-0.9%	354%	16,060	(60)	145,400	(24)	(10,924)	ACBS	MWG	135,000	10.0	22/03/2021
CMWG2105	2,950	7,100	-2.7%	141%	7,900	98	145,400	1,897	(5,203)	MBS	MWG	131,500	8.0	27/08/2021
CNVL2003	1,000	7,590	1.3%	659%	97,770	21	137,300	7,414	(176)	KIS	NVL	63,979	9.9	11/06/2021
CNVL2101	1,000	5,500	-8.3%	450%	15,940	124	137,300	3,789	(1,711)	KIS	NVL	77,999	15.8	22/09/2021
CNVL2102	1,100	3,840	18.9%	249%	460	129	137,300	714	(3,126)	KIS	NVL	128,399	16.0	27/09/2021
CPDR2101	1,100	5,000	25.6%	355%	175,400	98	76,000	47	(4,953)	KIS	PDR	88,888	5.0	27/08/2021
CPDR2102	1,100	4,920	23.6%	347%	199,830	129	76,000	137	(4,783)	KIS	PDR	88,999	5.0	27/09/2021
CPNJ2101	1,700	3,320	0.0%	95%	25,700	46	101,800	2,425	(895)	VND	PNJ	78,000	9.9	06/07/2021
CPNJ2102	2,000	6,610	-0.8%	231%	20,660	73	101,800	4,429	(2,181)	VCI	PNJ	80,000	5.0	02/08/2021
CPNJ2103	2,900	5,000	11.1%	72%	34,990	28	101,800	4,626	(374)	MBS	PNJ	78,800	5.0	18/06/2021
CREE2101	2,300	4,000	-7.6%	74%	19,340	46	58,000	2,532	(1,468)	VND	REE	48,000	4.0	06/07/2021
CSBT2101	1,100	3,000	0.0%	173%	16,430	124	19,900	18	(2,982)	KIS	SBT	24,666	5.0	22/09/2021
CSTB2007	1,500	9,000	-0.9%	500%	39,070	6	28,850	8,927	(73)	KIS	STB	10,999	2.0	27/05/2021
CSTB2010	1,100	8,470	-2.0%	670%	56,500	21	28,850	8,433	(37)	KIS	STB	11,999	2.0	11/06/2021
CSTB2014	3,800	16,950	0.9%	346%	13,990	24	28,850	16,867	(83)	SSI	STB	12,000	1.0	14/06/2021
CSTB2101	1,000	8,300	-8.0%	730%	9,320	124	28,850	3,522	(4,778)	KIS	STB	21,999	2.0	22/09/2021
CSTB2102	2,000	10,800	-4.4%	440%	21,560	14	28,850	10,865	65	MBS	STB	18,000	1.0	04/06/2021
CSTB2103	1,400	8,110	-8.0%	479%	45,800	80	28,850	5,467	(2,643)	HCM	STB	18,000	2.0	09/08/2021
CSTB2104	4,000	11,840	-5.7%	196%	17,590	98	28,850	6,100	(5,740)	MBS	STB	22,900	1.0	27/08/2021
CTCB2012	5,400	29,180	2.4%	440%	32,110	70	50,800	28,890	(290)	SSI	TCB	22,000	1.0	30/07/2021
CTCB2101	5,000	23,700	0.4%	374%	13,680	137	50,800	20,049	(3,651)	ACBS	TCB	31,000	1.0	05/10/2021
CTCB2102	2,300	9,450	-2.5%	311%	40,130	46	50,800	7,449	(2,001)	VND	TCB	36,000	2.0	06/07/2021
CTCB2103	2,900	11,000	-5.2%	279%	47,610	80	50,800	7,733	(3,267)	HCM	TCB	35,500	2.0	09/08/2021
CTCB2104	2,000	10,200	-3.8%	410%	10,550	98	50,800	2,771	(7,429)	MBS	TCB	45,800	2.0	27/08/2021
CTCH2003	1,600	2,530	9.5%	58%	23,320	87	22,500	106	(2,424)	KIS	TCH	23,999	3.9	16/08/2021
CTCH2101	1,000	3,210	3.2%	221%	12,820	124	22,500	154	(3,056)	KIS	TCH	24,666	3.9	22/09/2021
CTCH2102	2,750	4,200	5.0%	53%	6,460	84	22,500	94	(4,106)	MBS	TCH	25,000	2.0	13/08/2021
CTCH2103	1,200	2,410	4.3%	101%	32,600	83	22,500	0	(2,410)	KIS	TCH	31,668	4.0	12/08/2021
CVHM2008	1,400	2,150	6.4%	54%	45,630	21	103,900	1,512	(638)	KIS	VHM	88,888	10.0	11/06/2021
CVHM2101	1,100	4,720	-3.7%	329%	11,110	124	103,900	221	(4,499)	KIS	VHM	106,888	16.0	22/09/2021
CVHM2102	1,900	4,300	-2.3%	126%	60,040	46	103,900	1,714	(2,586)	VND	VHM	87,000	10.0	06/07/2021
CVHM2103	1,650	1,610	-10.6%	-2%	19,190	14	103,900	1,098	(512)	MBS	VHM	93,000	10.0	04/06/2021
CVHM2104	1,600	4,910	-1.2%	207%	31,530	80	103,900	707	(4,203)	HCM	VHM	98,000	10.0	09/08/2021
CVHM2105	1,500	5,700	-5.0%	280%	11,460	84	103,900	347	(5,353)	MBS	VHM	105,000	8.0	13/08/2021
CVHM2106	1,300	4,540	-5.4%	249%	29,690	83	103,900	13	(4,527)	KIS	VHM	118,668	10.0	12/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVIC2005	1,500	2,390	-8.1%	59%	23,910	21	122,500	1,576	(814)	KIS	VIC	106,868	10.0	11/06/2021
CVIC2101	1,000	5,070	-7.8%	407%	18,990	124	122,500	182	(4,888)	KIS	VIC	126,888	20.0	22/09/2021
CVIC2102	1,800	2,900	-16.7%	61%	8,360	14	122,500	2,258	(642)	MBS	VIC	100,000	10.0	04/06/2021
CVIC2103	1,100	2,680	19.1%	144%	460	129	122,500	1	(2,679)	KIS	VIC	165,899	20.0	27/09/2021
CVJC2006	1,000	540	31.7%	-46%	36,950	21	112,700	92	(448)	KIS	VJC	111,111	20.0	11/06/2021
CVNM2011	1,100	340	9.7%	-69%	59,770	21	89,200	(0)	(340)	KIS	VNM	133,333	16.3	11/06/2021
CVNM2101	1,100	3,100	0.7%	182%	9,900	124	89,200	0	(3,100)	KIS	VNM	126,888	19.8	22/09/2021
CVNM2102	1,700	2,670	5.5%	57%	22,650	46	89,200	0	(2,670)	VND	VNM	108,994	9.9	06/07/2021
CVNM2103	1,700	2,350	-1.3%	38%	17,390	28	89,200	0	(2,350)	MBS	VNM	104,000	10.0	18/06/2021
CVNM2104	1,480	4,500	1.1%	204%	18,870	115	89,200	18	(4,482)	MBS	VNM	103,000	10.0	13/09/2021
CVNM2105	1,100	2,160	16.1%	96%	314,150	129	89,200	0	(2,160)	KIS	VNM	119,399	20.0	27/09/2021
CVPB2015	5,600	41,400	3.1%	639%	5,580	70	67,800	41,907	507	SSI	VPB	26,000	1.0	30/07/2021
CVPB2101	2,900	15,400	1.3%	431%	11,530	46	67,800	15,450	50	VND	VPB	37,000	2.0	06/07/2021
CVPB2102	2,800	15,240	-2.1%	444%	10,010	14	67,800	16,165	925	MBS	VPB	35,500	2.0	04/06/2021
CVPB2103	2,700	16,200	0.6%	500%	37,580	80	67,800	15,736	(464)	HCM	VPB	36,500	2.0	09/08/2021
CVPB2104	2,500	11,500	-3.0%	360%	15,400	98	67,800	6,361	(5,139)	MBS	VPB	49,000	3.0	27/08/2021
CVRE2009	1,400	200	5.3%	-86%	94,970	6	30,350	0	(200)	KIS	VRE	30,999	5.0	27/05/2021
CVRE2011	1,500	560	21.7%	-63%	15,830	21	30,350	0	(560)	KIS	VRE	31,888	4.0	11/06/2021
CVRE2013	5,000	7,510	1.6%	50%	23,410	70	30,350	3,021	(4,489)	SSI	VRE	27,500	1.0	30/07/2021
CVRE2101	1,200	3,160	1.9%	163%	8,750	124	30,350	80	(3,080)	KIS	VRE	34,567	4.0	22/09/2021
CVRE2102	1,800	2,620	6.9%	46%	39,100	46	30,350	196	(2,424)	VND	VRE	30,000	4.0	06/07/2021
CVRE2103	1,300	3,150	2.6%	142%	24,270	80	30,350	100	(3,050)	HCM	VRE	32,000	4.0	09/08/2021
CVRE2104	3,000	4,550	-0.7%	52%	8,810	84	30,350	45	(4,505)	MBS	VRE	34,300	2.0	13/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2021F (tỷ)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F	Cổ tức dự kiến**
TCM	(New) HOSE	92,500	82,800	17/05/2021	287	4,630	28,532	16%	9%	17.9	2.9	-
STK	(New) HOSE	31,950	41,000	17/05/2021	187	2,211	14,974	15%	10%	18.6	2.7	-
MSN	(New) HOSE	111,900	104,500	14/05/2021	2,784	2,382	16,687	16%	3%	43.9	6.3	-
NVL	(New) HOSE	137,300	104,600	13/05/2021	4,369	4,389	29,673	13%	3%	23.8	3.5	-
VGG	(New) UPCOM	43,000	55,500	13/05/2021	187	4,249	41,384	10%	4%	13.1	1.3	20%
NLG	HOSE	37,050	39,000	12/05/2021	1,120	4,276	26,800	16%	8%	9.1	1.5	5%
KDH	HOSE	37,400	39,000	12/05/2021	1,174	2,157	17,973	14%	8%	18.6	2.2	0%
VCB	HOSE	96,800	118,300	10/05/2021	22,986	6,198	32,887	21%	2%	19.1	3.6	-
ACB	HOSE	37,500	39,800	10/05/2021	9,253	4,281	21,066	24%	2%	7.6	1.4	-
TCB	HOSE	50,800	51,300	10/05/2021	15,741	4,497	25,278	19%	3%	11.4	2.0	-
GEG	HOSE	16,000	21,200	07/05/2021	388	1,273	12,788	10%	4%	16.8	1.7	4%
BMP	HOSE	56,900	66,900	06/05/2021	551	6,735	32,184	21%	17%	9.9	2.1	43%
VNM	HOSE	89,200	128,000	04/05/2021	10,488	4,972	16,501	30%	20%	25.8	7.8	45%
CTD	HOSE	53,800	69,200	29/04/2021	593	7,960	112,448	7%	4%	8.7	0.7	10%
DHG	HOSE	94,500	100,400	28/04/2021	742	5,676	28,774	20%	16%	18.1	3.6	30%
PNJ	HOSE	101,800	116,000	27/04/2021	1,538	6,762	27,589	25%	16%	17.2	4.2	20%
HPG	HOSE	65,600	52,900	27/04/2021	16,753	5,038	22,193	23%	12%	10.5	2.4	5%
FPT	HOSE	93,800	91,800	14/04/2021	5,036	4,730	26,109	25%	11%	19.4	3.5	20%
VGS	HNX	19,800	24,600	13/04/2021	171	3,623	25,974	20%	5%	7.5	1.4	10%
SMC	HOSE	38,600	37,200	13/04/2021	313	4,961	17,978	20%	8%	6.8	1.4	10%
DGW	HOSE	133,600	103,700	13/04/2021	425	9,881	35,452	28%	11%	10.5	2.8	20%
VHC	HOSE	39,500	48,900	12/04/2021	951	5,188	31,003	12%	17%	9.4	1.6	-
ACV	UPCOM	69,900	85,600	09/04/2021	3,027	1,390	17,759	8%	5%	60.6	4.7	6%
ANV	HOSE	24,900	26,000	05/04/2021	281	2,202	18,506	12%	6%	11.8	1.4	-
REE	HOSE	58,000	62,100	02/04/2021	1,937	5,984	45,456	14%	9%	10.4	1.4	0%
PLX	HOSE	57,400	64,800	31/03/2021	4,563	3,668	17,545	18%	7%	17.7	3.7	30%

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

SBT	HOSE	19,900	30,000	25/03/2021	744	1,165	13,578	9%	4%	25.8	2.2	5%
MPC	UPCOM	35,400	44,700	25/03/2021	762	3,811	27,801	14%	8%	11.7	1.6	-
FMC	HOSE	33,600	43,900	18/03/2021	236	4,014	21,355	17%	12%	10.0	1.9	-
GVR	HOSE	25,350	40,200	17/03/2021	4,906	1,042	13,121	9%	6%	38.6	3.1	3%
QNS	UPCOM	39,400	48,000	16/03/2021	1,043	1,491	20,653	14%	8%	32.2	2.3	-
VRE	HOSE	30,350	43,400	12/03/2021	3,135	1,423	12,382	10%	7%	29.2	3.3	-
MWG	HOSE	145,400	140,600	08/03/2021	4,546	10,036	41,716	24%	9%	14.0	3.4	15%
GAS	HOSE	81,000	102,000	05/03/2021	10,892	5,691	27,913	20%	15%	18.0	3.7	35%
MSH	HOSE	51,100	56,300	03/03/2021	336	6,721	30,835	22%	12%	8.4	1.8	-
GMD	HOSE	37,950	54,800	24/02/2021	541	1,794	22,180	8%	5%	12.8	1.0	10%
TNG	HOSE	20,000	23,800	19/02/2021	198	2,671	16,167	17%	5%	8.9	1.5	-
GIL	HOSE	58,300	54,800	05/02/2021	317	8,813	43,186	20%	10%	6.2	1.3	-
BSR	UPCOM	15,000	12,900	05/02/2021	1,337	431	10,444	4%	2%	29.9	1.2	0%
GTN	HOSE	17,200	36,290	29/01/2021	303	621	16,074	7%	8%	58.4	2.3	0%
IMP	HOSE	72,500	59,400	21/01/2021	210	3,144	27,758	12%	10%	18.9	2.3	20%
FRT	HOSE	25,800	37,700	20/01/2021	28	350	15,466	2%	1%	62.0	1.4	10%
VHM	HOSE	103,900	102,000	19/01/2021	35,222	10,530	42,470	37%	12%	9.8	2.4	-
SAB	HOSE	150,200	182,900	19/01/2021	4,985	7,369	36,116	21%	17%	26.6	5.1	35%
LHG	HOSE	41,000	30,400	19/01/2021	180	3,601	26,394	11%	6%	8.1	1.0	-
PHR	HOSE	51,500	67,650	19/01/2021	1,105	8,158	20,173	32%	16%	6.6	2.1	30%
CTR	UPCOM	78,500	78,800	19/01/2021	223	3,172	14,460	23%	6%	21.1	4.6	10%
POW	HOSE	11,700	14,700	19/01/2021	2,837	1,055	14,071	9%	5%	13.9	1.0	3%

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.
 ** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2021 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.